

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA CƠ CHẾ TỰ CHỦ TRƯỞNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Chính

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: chinhntbh@neu.edu.vn

Hệ thống giáo dục và đào tạo của Việt Nam được hình thành từ ngay những ngày đầu thành lập nước, hầu hết các cơ sở giáo dục đều là công lập. Cho đến nay, hệ thống này cần có sự đổi mới mạnh mẽ, đặc biệt là việc cơ cấu lại hệ thống giáo dục - đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của cả hệ thống giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Nhằm mục đích góp phần thúc đẩy những bước chuyển biến cơ bản của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, trong đó có việc xây dựng cơ chế tự chủ của các trường công lập nhất quán và đồng bộ, bài viết sẽ làm rõ một số nguyên tắc cơ bản khi thực hiện cơ chế tự chủ trường đại học công lập ở Việt Nam.

Từ khóa: Cơ chế tự chủ, quyền tự chủ, hệ thống giáo dục, trường đại học công lập

1. Bản chất của cơ chế tự chủ của các trường đại học công lập

Cơ chế là phương thức vận hành của hệ thống và mọi sự vận động đều nằm trong một hệ thống. Cơ chế tự chủ của trường đại học công lập là phương thức vận hành của tính tự chủ của chúng. Đây là quá trình phân quyền thực hiện việc cung ứng dịch vụ giáo dục từ việc các cơ sở đào tạo chủ động ít khâu trong quá trình đào tạo sang có quyền chủ động thực hiện nhiều khâu công việc hơn. Thực hiện cơ chế tự chủ là quá trình cơ cấu lại quyền lực trong quản lý và cung ứng dịch vụ của các cơ sở đào tạo đại học công lập. Các trường đại học công lập ở Việt Nam được thành lập theo sự chỉ đạo của nhà nước và được nhà nước bảo đảm các điều kiện hoạt động như quyền sử dụng đất đai, nguồn kinh phí và chương trình đào tạo được thống nhất. Nhà nước cũng bảo đảm các điều kiện về tư vấn chiến lược và định hướng phát triển cũng như quy định các chỉ tiêu tuyển sinh. Thực chất, sự vận hành của các trường đại học công lập đều do sự quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, trực tiếp là Bộ quản lý chuyên ngành- Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ở Việt Nam, tính đến thời điểm hiện tại, các trường đại học ngoài công lập đã có cơ chế tự chủ,

song đối với trường công lập, việc phát huy quyền tự chủ là một vấn đề đang được sự quan tâm của cả các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở đào tạo công lập. Xây dựng và áp dụng cơ chế tự chủ đối với trường đại học công lập là một vấn đề mới, cần được quan tâm thỏa đáng để thích nghi với những tác động của các yếu tố trong nước và nước ngoài. Việc hình thành cơ chế tự chủ đối với trường công lập nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các trường công lập và ngoài công lập. Theo xu hướng tự do hóa thương mại, giáo dục được xem là một dịch vụ mang bản chất thương mại trong nền kinh tế thị trường. Để thích nghi với bản chất thương mại của loại dịch vụ này ở Việt Nam, việc tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng trở thành một trong các đột phá chiến lược để giải phóng triệt để tiềm năng và nguồn lực, gia tăng khả năng cạnh tranh quốc tế. Điều này đã được khẳng định trong văn kiện Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, bản chất của cơ chế tự chủ là quá trình giảm thiểu sự hỗ trợ của nhà nước, gia tăng tính chủ động, sáng tạo của cơ sở đào tạo công lập với mục tiêu huy động tối đa nguồn lực, giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước; gia tăng tính tự chủ, sáng tạo, mức độ dám nghĩ dám làm và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở đào tạo. Việc giảm thiểu sự can

thiệt của nhà nước còn là cách thức để cơ quan quản lý nhà nước tinh giản bộ máy và tập trung vào những vấn đề có phạm vi rộng và tầm nhìn xa như hoạch định chiến lược và chính sách mang tính lâu dài và tổng thể của cả ngành giáo dục, trao quyền phát triển chuyên môn cao nhất cũng như khả năng mở rộng quan hệ tối đa cho các cơ sở giáo dục công lập để đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội và chấp nhận sự đào thải của cơ chế cạnh tranh gay gắt. Đây còn là bước chuyển biến quan trọng trong việc tạo nền tảng và điều kiện để hình thành các trường phái khoa học, phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, đào tạo đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành và đưa cơ sở đào tạo vươn tới đẳng cấp cao trong khu vực và thế giới.

Thực tế cho thấy, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo chủ yếu thực hiện chức năng hoạch định chiến lược phát triển giáo dục- đào tạo, quản lý chương trình, chỉ tiêu tuyển sinh... và là khâu trung gian phân bổ ngân sách tiếp nhận từ nhà nước đến các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, khi các quyền về chuyên môn được chuyển giao dần về các cơ sở đào tạo và mỗi cơ sở đào tạo có chiến lược phát triển đặc thù thì các quyết định trực tiếp về các vấn đề nêu trên của cơ quan quản lý giáo dục- đào tạo thu hẹp dần phạm vi và mức độ ảnh hưởng. Do đó, việc tăng tính tự chủ và bảo đảm tính pháp lý của quyền tự chủ của cơ sở đào tạo công lập là cần thiết.

Hầu hết các cơ sở đào tạo công lập của các nước có nền học vấn phát triển thường tận dụng sự ủng hộ của Chính phủ thông qua đơn đặt hàng các đề tài nghiên cứu hoặc các khoản hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất. Các vấn đề còn lại khác với rất nhiều nội dung do nhà trường tự quyết định như xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, tổ chức bộ máy, xây dựng các tiêu chuẩn và chỉ tiêu tuyển sinh, chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo, chuyên khảo, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, chiến lược phát triển quốc tế, quy định mức học phí, học bổng, quy chế khen thưởng, kỷ luật... Chẳng hạn, trường đại học Tổng hợp Chicago (Hoa Kỳ) xây dựng trường phái kinh tế học mang tính đặc thù với những tiêu chuẩn chọn lựa sinh viên để tuyển sinh vào trường khá ngặt nghèo. Trong khi đó, trường phái Havard (Hoa Kỳ) lấy đào tạo sử dụng tình huống làm trung tâm với việc lựa chọn sinh viên có những khả năng đặc biệt. Kết quả là mỗi trường đại học đều có chiến lược phát triển của mình và triệt để khai thác thị trường đào tạo nhiều phân khúc khác nhau và cùng phát triển rất mạnh. Cả hai cơ sở này đều có đẳng cấp

quốc tế cao trong đào tạo.

Việc xây dựng cơ chế tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam có những tác dụng nhất định, thể hiện:

- Tạo điều kiện để các trường đại học công lập phát huy được lợi thế do Chính phủ hỗ trợ và các thế mạnh của trường kể từ giai đoạn đầu thành lập và hoạt động. Giai đoạn phát triển “non trẻ” của các cơ sở đào tạo công lập nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ phía Chính phủ để đạt đến sự trưởng thành. Các lợi thế do Chính phủ hỗ trợ là giao quyền sử dụng đất miễn phí, gần như không xác định thời hạn, trang bị cơ sở vật chất hay các hỗ trợ khác về tài chính, quan hệ, con người... trong giai đoạn đầu thành lập và hoạt động. Các thế mạnh của cơ sở đào tạo bao gồm: xây dựng và phát triển chương trình, bài giảng, giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, các chuyên ngành đào tạo theo nhu cầu xã hội, tạo dựng mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp, cơ quan quản lý, các địa phương và các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước. Mỗi trường đều có những thế mạnh nhất định, cần được khai thác triệt để nhằm kết hợp chúng với các khoản hỗ trợ từ phía Chính phủ, tạo đà phát triển mạnh hơn. Do đó, việc tự chủ của cơ sở đào tạo công lập thuận lợi hơn so với các trường ngoài công lập.

- Giảm thiểu sự hỗ trợ và bao cấp từ phía nhà nước, giảm bớt gánh nặng đối với ngân sách quốc gia, giảm thiểu tình trạng ỷ lại của các cơ sở đào tạo công lập vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Đây cũng là điều kiện để các cơ sở công lập tự khẳng định về chất lượng, khả năng cạnh tranh cũng như tiềm lực thích nghi cao với môi trường hoạt động thay đổi nhanh chóng. Xây dựng cơ chế tự chủ còn là quá trình giảm thiểu tình trạng phân biệt đối xử trong quản lý đào tạo và hướng đến môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở đào tạo công lập và ngoài công lập theo đúng các nguyên tắc của tự do hóa thương mại dịch vụ.

- Khuyến khích cơ sở đào tạo gia tăng tính năng động, sáng tạo và có khả năng tự phát huy các thế mạnh đã được tích lũy, khai thác triệt để cơ hội đa dạng để đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo đặt ra ngày càng cao. Trong điều kiện chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, nhu cầu xã hội đối với đào tạo rất đa dạng, đòi hỏi cần phải tăng tính tự chủ để cơ sở đó chủ động và tích cực điều tra, khảo sát thị trường vì nếu chỉ bó hẹp hoặc

“khuôn dạng” trong sự điều tiết trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước sẽ dẫn đến sự lãng phí nguồn lực hoặc các nguồn lực và thị trường bị các đối tác nước ngoài tranh thủ khai thác theo các cam kết về mở cửa thị trường trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây là cách thức để cơ sở đào tạo vừa thực hiện có hiệu quả việc khai thác, quảng bá sản phẩm đào tạo nhưng cũng là cách thức để tối đa hóa lợi ích của xã hội và phúc lợi cộng đồng trong những ràng buộc về thị trường dịch vụ giáo dục và tình trạng gia tăng nhu cầu việc làm chất lượng cao.

- Từng bước hình thành các trường phái đa dạng trong khoa học, tăng cường tranh luận khoa học để tạo bước phát triển đột phá, phục vụ chiến lược phát triển khoa học- công nghệ gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như được khẳng định trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam giai đoạn 2011- 2020. Sự phát triển của các trường phái lý thuyết, mô hình phát triển, sáng chế, ý tưởng mới... xuất phát từ điều kiện cụ thể của Việt Nam là nền tảng khoa học, thực tiễn cao nhất và có sức thuyết phục nhất cũng như hiệu quả lớn nhất đối với việc hoạch định chiến lược, xây dựng chính sách, đề xuất giải pháp và tổ chức thực hiện đối với cấp vĩ mô và vi mô. Các trường phái khoa học do Việt Nam đề xướng là sự thể hiện năng lực cạnh tranh cao của đội ngũ cán bộ, giáo viên và toàn bộ hệ thống đào tạo ở Việt Nam trong quan hệ với phần còn lại thế giới và tạo dựng bản sắc Việt Nam. Đây cũng là cách thức để thu hút các nhà khoa học có uy tín và sinh viên nước ngoài có trình độ quốc tế đến Việt Nam để học tập và nghiên cứu tại các trường công lập.

- Tiếp tục phát huy tính tự chủ của các cơ sở đào tạo công lập vốn được thực hiện mang tính cục bộ trên thực tế, đồng thời được coi là các đơn vị sự nghiệp có thu và có tư cách pháp nhân nhằm giảm thiểu sự gián đoạn trong triển khai chiến lược phát triển dài hạn của nhà trường. Cho đến nay, hầu hết các trường đại học công lập đều có chiến lược phát triển phù hợp, trong đó những quyền được phép đều được phát huy ở những mức độ nhất định như quyền được mở chuyên ngành đào tạo mới, đổi mới nội dung chương trình phù hợp với sự phát triển khoa học và điều kiện thực tiễn của đất nước, đổi mới phương pháp giảng dạy, biên soạn sách chuyên khảo, lựa chọn các đề tài khoa học cấp cơ sở, đào tạo nguồn nhân lực cũng như các hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo... Thực tế cho thấy, quyền tự chủ đã được các cơ sở đào tạo công lập khai thác. Do đó,

việc xác định rõ ràng quyền tự chủ bằng một hệ thống các quy định hợp pháp và hợp lý, có cơ sở khoa học và minh bạch là điều kiện để cơ sở đào tạo tiếp tục phát huy có hiệu quả những quyền hiện có, hạn chế sự xin phép và cho phép không phù hợp với điều kiện hội nhập và những thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, các cơ sở ngoài công lập đã có quy chế về quyền tự chủ còn các cơ sở đào tạo công lập chưa có quy chế này. Do đó, việc nhanh chóng xây dựng và áp dụng quy chế tự chủ còn nhằm giảm thiểu sự tụt hậu trong việc thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục công lập vốn đóng vai trò tiên phong về nhiều lĩnh vực so với cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Thúc đẩy quá trình cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo để từ đó sàng lọc, lựa chọn các cơ sở đào tạo có chất lượng hàng đầu và từng bước phân hạng các cơ sở đào tạo. Những cơ sở đào tạo không có khả năng phát triển sẽ tự định vị và lựa chọn hướng phát triển, thậm chí có thể chấp nhận sự sáp nhập hay đóng cửa việc cung ứng dịch vụ. Đây là một quá trình phù hợp với việc tổ chức cung ứng dịch vụ giáo dục trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, mở cửa và hội nhập sâu sắc với khu vực và thế giới. Đây cũng là quá trình loại bỏ những tiêu cực trong ngành giáo dục như bệnh thành tích và hiện tượng tiêu cực trong thi cử, vì mọi sự vận hành đều chịu sự giám sát và sàng lọc của thị trường. Quá trình phân hạng cơ sở đào tạo là cách thức để tạo dựng thương hiệu, nhằm tạo lợi ích thương mại to lớn và lâu dài. Đồng thời, đó còn là nền tảng để thu hút có hiệu quả hơn nguồn sinh viên, giáo viên và các nhà khoa học cả trong và ngoài nước. Hàng năm, có hàng chục ngàn học sinh, sinh viên Việt Nam cả phổ thông, đại học, cao học và tiến sĩ đi học nước ngoài làm, di chuyển ra nước ngoài một khối lượng khá lớn ngoại tệ của đất nước chỉ vì các cơ sở đào tạo trong nước, trong đó có cả các cơ sở đào tạo công lập không có khả năng cung ứng dịch vụ đúng nhu cầu.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế tự chủ của trường đại học công lập ở Việt Nam là một quá trình vừa tìm tòi, vừa thử nghiệm, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục, từng bước thực hiện thành công một trong ba đột phá chiến lược của đất nước trong giai đoạn đến năm 2020. Việc thực hiện cơ chế tự chủ trong điều kiện chuyển đổi của Việt Nam sang nền kinh tế thị trường và hội nhập sâu rộng sẽ tiếp thu có chọn lọc nhiều hơn kinh nghiệm của khu vực và thế giới, giảm thiểu phần nào những

rủi ro do thử nghiệm tìm các bài học từ kinh nghiệm của các nước đi trước, thúc đẩy sự tiếp cận nhanh chóng khoa học quản lý giáo dục của Việt Nam với khu vực và thế giới. Đây còn là quá trình thực hiện quá trình xã hội hóa giáo dục để tiến đến nền giáo dục mang tính nhân dân, đại chúng, có phân hạng theo chất lượng, uy tín, danh tiếng và khả năng thích nghi với cơ chế thị trường đào tạo khắt khe.

2. Các nguyên tắc cơ bản của cơ chế tự chủ

Cơ chế tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam cần được xây dựng dựa trên những nguyên tắc nhất định, phù hợp với bản chất của nền giáo dục Việt Nam, vừa hiện đại, nhân bản, đồng thời mang bản sắc Việt Nam sâu sắc. Cơ chế này là bước cụ thể hóa chiến lược và chính sách phát triển hệ thống giáo dục Việt Nam theo hướng tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng của cả hệ thống giáo dục cũng như hội nhập quốc tế sâu rộng. Do đó, việc xây dựng hệ thống các nguyên tắc làm nền tảng chủ đạo và xuyên suốt để nhận thức đầy đủ và vận hành có hiệu quả cơ chế tự chủ là cần thiết. Hơn nữa, đây là giai đoạn đầu xây dựng và thử nghiệm cơ chế, có thể có những “va vấp” ban đầu vì tìm kiếm “cái mới”, chưa có trong tiền lệ cho nên những nguyên tắc cơ bản sẽ là căn cứ ổn định để điều chỉnh quá trình thực hiện cơ chế tự chủ của đại học công lập trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những nguyên tắc này có thể thay đổi khi điều kiện tác động có những thay đổi cơ bản để bảo đảm phù hợp với xu hướng vận động chung. Các nguyên tắc cơ bản của cơ chế tự chủ tạo dựng khuôn khổ nhận thức và hành động của các cơ sở đào tạo để tất cả các cơ sở công lập thực hiện quyền tự chủ đều có thể đạt được sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện, không bị đi quá xa hoặc lệch quỹ đạo vận động chung của nền giáo dục Việt Nam.

Thứ nhất: Cơ chế tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam phải phù hợp với các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước và chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo Việt Nam

Nguyên tắc này khẳng định sự tự chủ và việc thực hiện cơ chế tự chủ là cần thiết khách quan đối với các trường đại học công lập ở Việt Nam. Những tác dụng của cơ chế tự chủ đã được khẳng định rõ ràng. Việc thực hiện quyền tự chủ là một quá trình phân quyền rất lớn của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục- đào tạo đối với các cơ sở đào tạo công lập. Nghĩa là, quyền năng của các cơ sở đào tạo công lập được gia tăng gần như tối đa và mức độ can thiệp,

điều tiết trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước gần như tối thiểu hóa. Để tránh tình trạng các cơ sở đào tạo phát triển quá mức quyền tự chủ, cần bảo đảm sự vận hành quyền tự chủ đó phù hợp với các quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước và chiến lược phát triển giáo dục- đào tạo của Việt Nam. Do đó, quy chế thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở đào tạo công lập ở Việt Nam cần phù hợp với các quy định của pháp luật mà trước hết và trực tiếp là Luật Giáo dục cũng như các cam kết mà Việt Nam đã phê chuẩn trong WTO cũng như các quy định pháp luật khác, các chính sách phát triển ngành, nghề hoặc chính sách đào tạo nguồn nhân lực, chiến lược phát triển giáo dục- đào tạo Việt Nam để bảo đảm đúng định hướng đã được xác định. Nguyên tắc này đóng vai trò quan trọng hàng đầu, nhằm giảm thiểu tình trạng vi phạm pháp luật, tình trạng cơ sở đào tạo tự đặt ra các quy định vượt quá khả năng hay phạm vi cho phép cũng như việc phát triển của cơ sở không phù hợp với chiến lược phát triển của ngành giáo dục- đào tạo nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mục tiêu xây dựng, bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nguyên tắc này đòi hỏi hệ thống luật pháp, các quy định, chính sách và chiến lược phát triển giáo dục- đào tạo cũng phải bảo đảm đồng bộ, hoàn thiện, nhất quán, tuyệt đối tránh tình trạng chồng chéo, lạc hậu, hay thay đổi, tùy tiện để các cơ sở đào tạo có thể lấy các quy định đó làm căn cứ ban hành quy chế tự chủ của cơ sở đào tạo của mình một cách thống nhất.

Thứ hai: Cơ chế tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam phải bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và phát triển bền vững khi thực hiện

Thực hiện cơ chế tự chủ sẽ dẫn đến những thay đổi quan trọng trong chiến lược, cơ cấu tổ chức và quy trình đào tạo của các cơ sở đào tạo công lập, đặc biệt là quá trình cơ cấu lại các cơ sở đào tạo công lập theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội đòi hỏi những thay đổi hoặc điều chỉnh lớn hơn. Việc thực hiện cơ chế tự chủ phải góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế- xã hội, đặc biệt là hiệu quả sử dụng các nguồn lực tại cơ sở đào tạo bao gồm: nguồn lực cơ sở vật chất, tài chính, nguồn nhân lực và các quan hệ trong và ngoài nước. Hiệu quả kinh tế- xã hội thể hiện ở việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện các dự án nghiên cứu đạt chất lượng tốt, thực hiện các đơn đặt hàng đào tạo đáp ứng yêu cầu khắt khe của cơ

sở tuyển dụng trong và ngoài nước, hình thành dần các sinh viên đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hiệu quả còn thể hiện ở sự hỗ trợ của Chính phủ giảm thiểu, nhưng thực lực bên trong của cơ sở lại lớn mạnh nhiều lần, đời sống của đội ngũ cán bộ, giáo viên được cải thiện đáng kể, danh tiếng và uy tín của cơ sở đào tạo tăng lên.

Hiệu quả kinh tế- xã hội còn được thể hiện ở khả năng phát triển bền vững, đặc biệt là sự bền vững trong cạnh tranh của cơ sở đào tạo công lập khi thực hiện quyền tự chủ. Thị trường dịch vụ giáo dục Việt Nam được mở cửa từng bước và sẽ mở cửa gần như hoàn toàn kể từ năm 2014, cạnh tranh diễn ra gay gắt giữa các cơ sở trong nước và nước ngoài nên tính tự chủ của cơ sở sẽ được thử thách trong cạnh tranh. Các cơ quan quản lý nhà nước chỉ là những cơ quan tạo thuận lợi cao nhất đối với môi trường phát triển, các loại rủi ro mà trực tiếp là rủi ro trong cạnh tranh là điều không tránh khỏi. Vì thế, tính tự chủ cần phải là điều kiện bảo đảm khả năng phát triển bền vững đối với cơ sở công lập khi các điều kiện bảo hộ của Nhà nước bị giảm thiểu. Các cơ sở công lập được giao quyền tự chủ cần tính toán kỹ lưỡng các phương án hành động và có chiến lược thích nghi với cạnh tranh và với những thay đổi của môi trường trong điều kiện thuận lợi và bất lợi.

Hơn nữa, hiệu quả kinh tế- xã hội và phát triển bền vững cần được hiểu theo nghĩa rộng. Đó là, cơ sở đào tạo đại học công lập được giao quyền tự chủ cao nhất cũng phải chú ý thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước đặt ra đối với sự nghiệp giáo dục- đào tạo. Do đó, tính bền vững không chỉ đơn thuần về kinh tế, xã hội hay môi trường mà còn bảo đảm cả sự bền vững về thể chế, nghĩa là bảo đảm đúng mục tiêu phát triển đặt ra trong từng giai đoạn và thực hiện các mục tiêu chính trị- xã hội mang tính phi lợi nhuận, cung ứng dịch vụ giáo dục công. Đây cũng là khía cạnh vừa thể hiện việc bám sát mục tiêu chính trị của các trường đại học công lập được giao quyền tự chủ, vừa thể hiện được trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục như thực hiện cung ứng các dịch vụ cho các vùng, địa phương kinh tế- xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... hoặc thực hiện các nghĩa vụ quốc tế với nước bạn, thực hiện các nhiệm vụ chính trị cấp bách trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Thứ ba: Khi thực hiện cơ chế tự chủ phải bảo đảm sự tách biệt hợp lý giữa quyền của chủ sở hữu với quyền của người sử dụng các loại tài sản

thuộc sở hữu nhà nước

Quyền tự chủ của các trường đại học công lập là một vấn đề liên quan chặt chẽ với sở hữu nhà nước về các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước, được giao cho các cơ sở đào tạo công lập sử dụng như: quyền sử dụng đất đai trong một thời gian dài và các loại tài sản gắn liền với đất, trường học và cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, các quan hệ quốc tế được định hướng. Khi thực hiện quyền tự chủ, các trường đại học công lập thực hiện quyền tự chủ phải thuê đất theo giá thị trường, đồng thời cũng phải trả cả gốc và lãi đối với các khoản vốn đầu tư của nhà nước. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo công lập cũng phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật. Vì thế, cơ chế tạo vốn đối với các cơ sở công lập sẽ có nhiều nguồn bao gồm: nguồn vốn từ ngân sách, nguồn tự huy động cán bộ, công chức, viên chức trong trường và nguồn huy động từ xã hội. Nguồn thu từ đào tạo, tư vấn, nghiên cứu khoa học hoặc cung ứng các loại dịch vụ khác cũng cần được xem xét và triệt để khai thác để phục vụ mục tiêu đầu tư phát triển lâu dài của trường. Mức học phí, học bổng, việc trả lương cho cán bộ, giáo viên và các khoản chi tiêu thường xuyên đều phải do nhà trường tự cân đối. Chính vì cần có sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng của các loại tài sản và bảo đảm sự công bằng trong phân phối nên việc xây dựng quy chế tự chủ càng rõ ràng, chặt chẽ bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Cũng cần xác định rõ cơ chế chịu trách nhiệm với các loại tài sản của nhà nước khi sinh lợi và khi bị thất thoát để bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà trường với lợi ích của nhà nước. Cần làm rõ mức độ phân quyền quản lý tài sản, cơ chế quản lý tài sản và tự chủ về tài sản, tiền mặt... nhằm tránh những thua thiệt, thất thoát tài sản của nhà nước và nhà trường hoặc sự không rõ ràng về quyền sở hữu và quyền sử dụng, không xác định được trách nhiệm của các bên có liên quan. Các quyền năng về tài sản thuộc sở hữu nhà nước được giao cho cơ sở đào tạo công lập là cơ sở để xác định quyền lợi và trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của các bên liên quan cần được xây dựng có hệ thống.

Thứ tư: Thực hiện cơ chế tự chủ phải tuân thủ nguyên tắc tự do hóa thương mại và phù hợp với thông lệ quốc tế

Đây là nguyên tắc cần được quán triệt cao nhất, bởi vì giáo dục là một loại dịch vụ mà Việt Nam đã cam kết mở cửa theo các nguyên tắc của WTO. Các

nguyên tắc của tự do hóa thương mại là không phân biệt đối xử, minh bạch và công bằng cần được quán triệt đầy đủ. Do đó, các trường đại học công lập vốn được nhận nhiều sự hỗ trợ và bảo hộ của Chính phủ, khi thực hiện quyền tự chủ cần có chiến lược thích nghi với cạnh tranh và sự hỗ trợ sẽ càng ngày càng giảm. Chỉ có sự hỗ trợ phù hợp với các nguyên tắc của WTO mới được công nhận. Hơn nữa, các cơ sở đào tạo nước ngoài có quyền thực hiện cung ứng dịch vụ theo các phương thức như cung cấp xuyên biên giới, tiêu dùng ngoài lãnh thổ, hiện diện thương mại, hiện diện thể nhân sẽ cạnh tranh gay gắt với các cơ sở đào tạo trong nước. Thực tế cho thấy, các chương trình đào tạo đại học và cao học liên kết với nước ngoài cạnh tranh khá gay gắt cũng như bộc lộ khá nhiều lợi thế so với các cơ sở đào tạo công lập trong nước về chương trình, giáo trình, bài giảng, phương thức đánh giá, cách thức thi tuyển và thời gian đào tạo... Việc tuân thủ các nguyên tắc của tự do hóa thương mại nhằm tránh những vi phạm làm giảm uy tín của các cơ sở đào tạo và gây cản trở hội nhập quốc tế.

Các loại thông lệ quốc tế về giáo dục cũng cần được tuân thủ như quy định về trình độ ngoại ngữ, trình độ quốc tế khi xét tuyển sinh viên, tuyển sinh gồm cả xem xét hồ sơ, phỏng vấn hoặc thông qua một kỳ thi tuyển nghiêm túc... Đây là những tiêu chuẩn và yêu cầu mang tính bắt buộc tối thiểu cần được xem xét cẩn thận và cần trở thành chuẩn mức mới trong đánh giá mức độ tự chủ của các cơ sở đào tạo công lập.

Thứ năm: Tránh đơn giản và phức tạp hóa việc thực hiện quyền tự chủ cho các trường đại học công lập

Việc thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở đào tạo công lập là một vấn đề cực kỳ quan trọng, liên quan đến việc phân quyền quản lý, cơ cấu lại hệ thống giáo dục, xử lý các vấn đề về sở hữu nhà nước cũng như đáp ứng các tiêu chuẩn của WTO. Đây là một

vấn đề không đơn thuần chỉ là vấn đề thủ tục mà còn là một quá trình thay đổi triệt để cách thức suy nghĩ và hành động. Do đó, cần tuyệt đối tránh tình trạng đơn giản hóa việc thực hiện việc phân quyền này, vì ngoài những vấn đề về cơ chế còn có cả những vấn đề liên quan đến việc làm, thu nhập và đời sống của đội ngũ cán bộ, giáo viên của các cơ sở đào tạo. Những rủi ro khi thực hiện cơ chế tự chủ rất khó có thể lường trước, cho nên càng tránh đơn giản hóa bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Hơn nữa, đây là quá trình thử nghiệm đầu tiên ở Việt Nam, nên sự thận trọng lại càng cần thiết. Cần có nhiều phương án để thích nghi với quá trình này nhằm giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy ra hoặc những đổ vỡ không cần thiết. Coi trọng việc duy trì và nâng cao chất lượng trong quá trình tự chủ và coi đây là khâu quan trọng nhất cần được tạo chuyển biến khi thực hiện cơ chế tự chủ.

Mặt khác, quá trình thực hiện quyền tự chủ của cơ sở đào tạo công lập là hoàn toàn tất yếu và rõ ràng vì những tác dụng và sự phù hợp của nó với xu hướng vận động chung của nền kinh tế thị trường và xu hướng giáo dục thế giới, những cam kết về mở cửa dịch vụ giáo dục trong WTO cho nên cũng cần tránh xu hướng tuyệt đối hóa tính phức tạp của quá trình này đến mức không thể thực hiện được, gây tâm lý chần chừ, do dự và thiếu quyết tâm thực hiện đến cùng.

Từ hai thái cực cần tránh trên đây, cần hiểu rõ những khía cạnh đơn giản để nhanh chóng thực hiện và lường trước những phức tạp để khắc phục, kịp thời tận dụng cơ hội đang đến và lường trước những thách thức, khẩn trương thực hiện cơ chế tự chủ để tạo lợi ích lâu dài và phát triển bền vững cũng như tạo chuyển biến cơ bản trong giáo dục Việt Nam phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. □

Tài liệu tham khảo:

1. Báo Giáo dục Việt Nam, Quy định về Quyền tự chủ của các trường đại học ngoài công lập phải có lộ trình và phân tầng (19/05/2012).
2. Bộ Công Thương, Các cam kết của Việt Nam trong WTO.
3. Chính phủ, Đề án cơ cấu lại nền kinh tế, Tháng 6/2012.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam, lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2011.
5. Luật Giáo dục Việt Nam.